TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 11 - 03 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền

Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Triệu Văn T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1998 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi cư trú: Thôn 65, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn P và bà Lý Thị Ph; vợ con: chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn với chị Triệu Mùi H, sinh năm 2001 và có 01 con chung sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.(Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T:* ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1981 - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

- *Bị hại:* chị Triệu Mùi H, Sinh ngày 01/12/2001; Nơi cư trú: thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Triệu Chòi O, Sinh năm 1980; (Có mặt)

+ Bà Triệu Mùi D, sinh năm 1984; (Có mặt)

Cùng trú tại: thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang;

+ Ông Triệu Văn P, sinh năm 1982; (Có mặt)

+ Bà Lý Thị Ph, sinh năm 1982; (Có mặt)

Cùng trú tại: Thôn 65, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Văn T và Triệu Mùi H quen nhau vào khoảng tháng 10 năm 2016. Quá trình tiếp xúc, hai bên trao đổi số điện thoại và thường xuyên nhắn tin, gọi điện cho nhau. Đến ngày 17/11/2016 âm lịch *(tức ngày 15/12/2016 dương lịch)*, T lên nhà H đưa H đi ăn cưới tại xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang, sau đó T đưa H về và ngủ lại tại nhà H trong phòng ngủ của H, lúc này T thực hiện hành vi quan hệ tình dục lần đầu với H, tại thời điểm này T đã đủ 18 tuổi, còn H mới được 15 *(mười lăm)* tuổi 14 *(mười bốn)* ngày. Thời gian tiếp theo, T và H thường xuyên qua lại và đến nhà nhau chơi. Mỗi lần đến nhà, T và H thường ngủ lại nhà nhau và tiếp tục quan hệ tình dục nhiều lần nữa nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể. Đến ngày 18/05/2017 âm lịch *(tức ngày 12/06/2017 dương lịch)*, H biết mình có thai nên đã nói với T đồng thời cả hai thông báo cho gia đình hai bên biết. Sau đó ông Triệu Chòi O, bà Triệu Mùi D (bố mẹ đẻ của H) và ông Triệu Văn P, bà Lý Thị Ph (bố mẹ đẻ của T) đã gặp nhau và cùng trao đổi về việc tổ chức ăn hỏi cho T và H vào ngày 18/08/2017 âm lịch *(tức ngày 07/10/2017 dương lịch)*, đồng thời thống nhất để H sinh con xong mới làm đám cưới. Sau khi tổ chức ăn hỏi xong, H vẫn tiếp tục sống tại gia đình mình ở thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang. Đến ngày 17/12/2017 âm lịch *(tức ngày 02/02/2018 dương lịch)*, H sinh một bé gái tại Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, gia đình nhà T đã đặt tên cho bé gái là Triệu Thị Tr. Sau khi hết thời gian ở cữ, vào ngày 21/01/2018 âm lịch *(tức ngày 08/03/2018 dương lịch)*, hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới cho T và H theo phong tục, tập quán tại địa phương đồng thời gia đình T đón hai mẹ con H về nhà tại Thôn 65, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, nhưng T và H không đăng ký kết hôn được do cả hai đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sinh sống tại gia đình nhà T, giữa H và bố mẹ T đã nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên ngày 06/01/2019 âm lịch *(tức ngày 10/02/2019 dương lịch)*, H đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ của mình tại xã K, huyện B để ở. Ngày 25/07/2019 dương lịch, H đã làm đơn gửi Cơ quan công an huyện Bắc Quang tố giác việc Triệu Văn T có hành vi quan hệ tình dục với H nhiều lần khiến H mang thai khi chưa đủ 16 tuổi.

Ngày 13/08/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 159, trưng cầu Viện pháp y Quốc gia giám định Gen (AND) đối với Triệu Mùi H, Triệu Văn T và cháu Triệu Thị Tr. Tại bản Kết luận giám định pháp y về ADN số: 222/19/TC-ADN ngày 20/8/2019 của Viện pháp ý Quốc gia kết luận: *"Triệu Mùi H có quan hệ huyết thống mẹ - con với Triệu Thị Tr, độ tin cậy 99,9999%; Triệu Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với Triệu Thị Tr, độ tin cậy 99,9999%".*

Quá trình điều tra Triệu Mùi H thừa nhận: việc quan hệ tình dục với T là do hai bên nảy sinh tình cảm với nhau, H tự nguyện và không bị T ép buộc hay cưỡng bức, việc quan hệ tình dục giữa H và T diễn ra nhiều lần tại cả hai gia đình.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 05/CT-VKSBQ ngày 30/12/2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Triệu Văn T về tội *"Giao cấu với trẻ em"* quy định tại điểm a,d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Triệu Văn T về tội "Giao cấu với trẻ em" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, các điểm m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 03 năm tù đồng thời căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo Triệu Văn T.

Ý kiến của bị hại trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra,

Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: tại phiên tòa bị hại Triệu Mùi H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Triệu Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng, bản kết luận giám định pháp y về ADN của Viện pháp y Quốc gia, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: giấy khai sinh, chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình chị Triệu Mùi H, giấy khai sinh cháu Triệu Thị Tr.v.v.. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Triệu Văn T phạm tội *"Giao cấu với trẻ em"* theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, có nội dung quy định như sau:

"1. Người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Phạm tội nhiều lần;

...

d) Làm nạn nhân có thai"

Bị cáo là người đủ 18 tuổi nhưng đã thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần với bị hại trong khi bị hại chưa đủ 16 tuổi, làm bị hại có thai, do đó bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm a và điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Do đó Viện kiểm sát huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo và bị hại có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bị hại hoàn toàn tự nguyện quan hệ tình dục với bị cáo nhiều lần tại nhà của bị cáo và bị hại, được gia đình hai bên chấp thuận, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa

phương, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng, bị hại có thai và đã sinh con. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do sự hạn chế về nhận thức của bị cáo, bị hại và cha mẹ của bị cáo, bị hại, do bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội do lạc hậu" quy định tại điểm k khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh pHng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 115, Điều 33, Điều 45, các điểm k, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 03/10/2019).

3. Về án phí: Bị cáo Triệu Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS, bộ phận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hải Hà